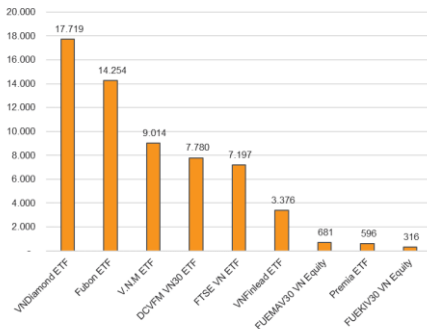


Báo cáo chuyên đề

31/08/2022

Hình 1: NAV của các quỹ ETF trên thị trường Việt Nam tại ngày 30/08/2022



Nguồn: Bloomberg, VNDIRECT Research

BẢN TIN ETF

Thời điểm xem xét định kỳ của các ETF ngoại

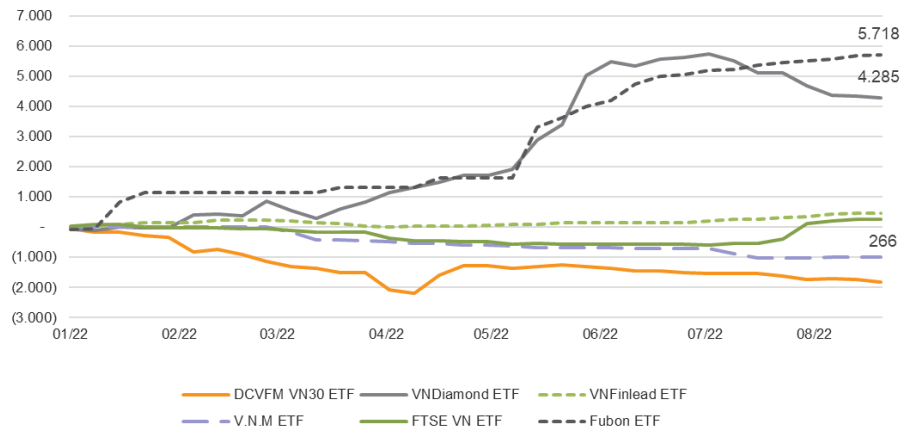
- FTSE sẽ công bố rà soát danh mục đối với FTSE VN Index (FTSE VN ETF) và FTSE VN30 Index (Fubon ETF) vào ngày 02/09/2022.
- Market Vector công bố danh mục mới cho MVIS VN Index vào ngày 08/09/2022 để quỹ V.N.M ETF tiến hành tái cơ cấu danh mục.
- SSB và DGC có thể được thêm vào FTSE VN30 Index trong khi HDB và HSG có thể bị loại. Đối với FTSE VN Index, SHB có thể vào chỉ số.
- SAB và THD có khả năng bị loại bỏ khỏi MVIS VN Index.

Fubon ETF dẫn đầu trong việc thu hút dòng vốn vào các quỹ ETF trên thị trường Việt Nam trong 8T22

Fubon ETF (mô phỏng chỉ số FTSE VN30) vẫn duy trì đà hút vốn ròng từ T7/22 đến T8/22, trong khi VNDiamond ETF bị rút vốn trong cùng giai đoạn, trở thành quỹ ETF hút vốn hàng đầu tại Việt Nam với dòng vốn ròng đạt 5.718 tỷ đồng trong 8T22. Fubon ETF duy trì giá trị tài sản ròng lớn thứ 2 trong số các quỹ ETF đầu tư vào Việt Nam với giá trị 14.254 tỷ đồng (chỉ sau VNDiamond ETF).

Trong khi đó, FTSE VN ETF có sự đảo chiều từ rút vốn ròng sang hút vốn ròng trong giai đoạn T7/22 đến T8/22 để đạt 286 tỷ đồng vốn hút ròng trong 8T22.

Hình 2: Dòng vốn của các quỹ ETF nổi bật tại Việt Nam trong 8T22



Nguồn: VNDIRECT Research, Bloomberg

Các rổ chỉ số FTSE: SSB và DGC có khả năng thay thế HDB và HSG trong VN30 Index; SHB có thể được đưa vào FTSE VN Index trong kỳ đánh giá này.

Các rổ chỉ số mới của FTSE, bao gồm FTSE Vietnam Index và FTSE VN30 Index sẽ được công bố vào ngày 02/09/2022, có hiệu lực vào ngày 19/09/2022.

Dựa trên số liệu đến 25/08/2022, chúng tôi cho rằng SSB và DGC sẽ được đưa vào chỉ số FTSE VN30 trong đợt xem xét định kỳ này vì SSB và DGC đáp ứng tất cả các tiêu chí của FTSE VN30, vốn hóa thị trường của SSB và DGC xếp thứ 11 và 18, lần lượt đạt 62.101 tỷ đồng và 35.008 tỷ đồng. Mặt khác, HDB và HSG có khả năng bị loại khỏi FTSE VN30 do:

- HDB không đạt yêu cầu của quá trình sàng lọc, cụ thể đã không đáp ứng được điều kiện headroom (% giá trị còn lại của room ngoại) phải cao hơn 10% cho những mã là thành viên hiện hữu.

Chuyên viên phân tích:



Vũ Mạnh Hùng

hung.vumanh3@vndirect.com.vn

Trần Thị Thu Thảo

thao.tranthu2@vndirect.com.vn

- SSB và DGC có ưu thế để lọt vào FTSE VN30, HSG có vốn hóa nhỏ nhất trong top 40 sẽ bị loại khỏi rổ FTSE VN30.

Các quỹ ETF mô phỏng theo các chỉ số FTSE, với giá trị tài sản ròng là 14.254 tỷ đồng (Fubon ETF) và 7.191 tỷ đồng (FTSE VN ETF), sẽ cân đối lại danh mục đầu tư của mình vào ngày giao dịch trước đó (16/09/2022).

Chúng tôi ước tính Fubon sẽ mua khoảng 25,0 triệu cổ phiếu SSB và 3,5 triệu cổ phiếu DGC, tương ứng khoảng 811,2 tỷ đồng và 343,0 tỷ đồng. Trong khi đó, Fubon sẽ bán khoảng 4,7 triệu cổ phiếu HSG và 9,3 triệu cổ phiếu HDB, tương ứng khoảng 103,7 tỷ đồng và 246,9 tỷ đồng.

Hình 3: Danh mục FTSE VN30 mới và sự thay đổi của các quỹ ETF dựa trên ước tính của chúng tôi (dữ liệu tại ngày 25/08/2022)

Cổ # phiếu	Tỷ trọng hiện tại (%)	Giá trị hiện tại (tỷ đồng)	Khối lượng hiện tại	Tỷ trọng mới (%)	Giá trị mới (tỷ đồng)	Khối lượng mới	Tỷ trọng thay đổi (%)	Giá trị mua/bán ròng (tỷ đồng)	Khối lượng mua/bán ròng	Thanh khoản bình quân phiên T8/22 (tỷ đồng)	Số ngày giao dịch ước tính
1 SSB	-	-	-	5,7%	811,2	25.037.553	5,7%	811,2	25.037.553	197,3	4,1
2 STB	2,2%	313,1	12.204.700	5,5%	775,7	30.242.732	3,3%	462,7	18.038.032	306,5	1,5
3 SHB	0,6%	91,8	5.755.500	3,8%	540,0	33.854.019	3,2%	448,2	28.098.519	340,0	1,3
4 DGC	-	-	-	2,4%	343,0	3.485.546	2,4%	343,0	3.485.546	226,5	1,5
5 HPG	7,5%	1.067,8	44.771.867	8,9%	1.261,1	52.877.629	1,4%	193,3	8.105.762	809,8	0,2
6 VJC	3,0%	432,7	3.506.100	3,9%	548,3	4.443.356	0,8%	115,7	937.256	134,7	0,9
7 HCM	0,4%	59,3	2.091.300	0,7%	105,6	3.726.214	0,3%	46,3	1.634.914	242,7	0,2
8 VND	2,1%	295,6	12.878.000	2,4%	335,6	14.621.580	0,3%	40,0	1.743.580	533,9	0,1
9 VCB	4,7%	660,7	8.057.919	4,9%	692,8	8.448.418	0,2%	32,0	390.499	103,3	0,3
10 KDH	1,9%	274,0	7.173.190	2,1%	299,0	7.827.184	0,2%	25,0	653.994	36,6	0,7
11 DIG	1,6%	223,9	5.596.976	1,7%	243,8	6.094.284	0,1%	19,9	497.308	322,1	0,1
12 BVH	0,5%	71,5	1.254.400	0,5%	68,5	1.201.471	0,0%	-3,0	-52.929	65,0	0,0
13 KBC	2,0%	282,0	7.459.066	1,9%	273,0	7.221.885	-0,1%	-9,0	-237.181	272,9	0,0
14 POW	1,0%	142,9	10.137.100	0,9%	131,9	9.356.423	-0,1%	-11,0	-780.677	180,6	0,1
15 SBT	0,8%	114,8	6.208.000	0,6%	86,0	4.647.885	-0,2%	-28,9	-1.560.115	46,6	0,6
16 GEX	1,6%	229,6	9.003.521	1,4%	200,2	7.851.482	-0,2%	-29,4	-1.152.039	257,9	0,1
17 VHM	9,4%	1.333,3	21.857.880	9,2%	1.303,3	21.365.080	-0,2%	-30,1	-492.800	194,2	0,2
18 DPM	1,2%	171,9	3.363.800	1,0%	136,3	2.667.256	-0,3%	-35,6	-696.544	112,2	0,3
19 VCG	0,8%	115,6	5.102.461	0,5%	73,5	3.243.534	-0,3%	-42,1	-1.858.927	106,6	0,4
20 VCI	1,7%	242,7	6.312.750	1,3%	184,2	4.790.032	-0,4%	-58,5	-1.522.718	273,4	0,2
21 SAB	2,0%	285,5	1.522.700	1,6%	222,9	1.188.688	-0,4%	-62,6	-334.012	41,3	1,5
22 PLX	1,3%	184,0	4.192.400	0,6%	88,0	2.003.800	-0,7%	-96,1	-2.188.600	66,3	1,4
23 HSG	0,7%	103,7	4.733.400	-	-	-	-0,7%	-103,7	-4.733.400	253,7	0,4
24 NVL	8,3%	1.184,1	14.163.912	7,5%	1.058,3	12.658.992	-0,9%	-125,8	-1.504.920	409,2	0,3
25 PDR	2,8%	402,7	7.102.611	1,8%	256,2	4.518.322	-1,0%	-146,5	-2.584.289	157,1	0,9
26 SSI	4,2%	590,5	23.156.100	3,0%	427,2	16.753.823	-1,2%	-163,3	-6.402.277	524,1	0,3
27 VNM	8,6%	1.215,8	15.607.800	7,1%	1.001,9	12.861.820	-1,5%	-213,9	-2.745.980	230,5	0,9
28 HDB	1,7%	246,9	9.336.400	-	-	-	-1,7%	-246,9	-9.336.400	164,1	1,5
29 VRE	4,9%	701,6	24.028.500	3,1%	439,3	15.044.746	-1,8%	-262,3	-8.983.754	56,4	4,7
30 VGC	2,3%	321,0	4.665.500	0,4%	56,5	821.047	-1,9%	-264,5	-3.844.453	83,5	3,2
31 VIC	9,6%	1.361,0	20.652.049	7,5%	1.060,2	16.088.733	-2,1%	-300,7	-4.563.316	86,3	3,5
32 MSN	10,9%	1.541,0	13.661.000	8,3%	1.171,7	10.387.099	-2,6%	-369,3	-3.273.901	125,0	3,0

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, Bloomberg

Để tái cân bằng chỉ số FTSE, SHB có khả năng sẽ được đưa vào danh mục và sẽ không loại bỏ bất kỳ cổ phiếu nào trong kỳ đánh giá này.

Chúng tôi ước tính FTSE VN ETF sẽ mua vào khoảng 1,0 triệu/0,5 triệu cổ phiếu của SHB/STB, tương đương 162 tỷ đồng/136 tỷ đồng trong kỳ đánh giá này, và bán ra lần lượt khoảng 308 nghìn/231 nghìn cổ phiếu của VHM/VIC, tương ứng là 184 tỷ đồng/150 tỷ đồng.

Hình 4: Danh mục đầu tư FTSE ETF mới dựa trên ước tính của chúng tôi (dữ liệu tại 25/08/2022)

Cổ phiếu	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	Giá trị mua/bán ròng (tỷ đồng)	Khối lượng mua/bán ròng	Thanh khoản bình quân phiên (tỷ đồng)	Số ngày giao dịch ước tính	Chú thích
SHB	0,00%	1,98%	162,0	1.035.144	148,3	1,1	THÊM MỚI
STB	1,89%	3,55%	135,8	534.646	338,0	0,4	
VND	1,64%	2,52%	72,0	318.584	409,0	0,2	
DXG	0,90%	1,68%	63,8	225.044	220,8	0,3	
NVL	7,31%	7,89%	47,4	57.177	192,7	0,2	
DIG	1,20%	1,77%	46,6	117.677	357,5	0,1	
VCB	4,18%	4,71%	43,4	52.927	75,5	0,6	
HSG	0,56%	1,04%	39,3	184.075	174,7	0,2	
KBC	1,70%	2,09%	31,9	85.638	165,4	0,2	
KDH	1,76%	2,15%	31,9	84.503	32,2	1,0	
GEX	1,26%	1,59%	27,0	105.675	215,1	0,1	
VCI	1,18%	1,42%	19,6	51.242	191,8	0,1	
VNM	7,75%	7,93%	14,7	18.919	152,8	0,1	
PVD	0,60%	0,72%	9,8	46.009	151,3	0,1	
SSI	3,14%	3,21%	5,7	22.574	443,4	0,0	
TCH	0,54%	0,59%	4,1	33.884	49,9	0,1	
POW	0,96%	1,00%	3,3	23.488	217,5	0,0	
VJC	3,19%	3,21%	1,6	1.296	78,0	0,0	
VCG	0,65%	0,54%	(9,0)	(39.735)	80,5	0,1	
DPM	1,16%	1,03%	(10,6)	(22.176)	197,0	0,1	
SBT	0,75%	0,62%	(10,6)	(59.053)	37,4	0,3	
HPG	9,61%	9,17%	(36,0)	(153.191)	637,1	0,1	
PLX	1,18%	0,68%	(40,9)	(93.379)	43,6	0,9	
DGC	3,21%	2,58%	(51,5)	(54.268)	246,6	0,2	
PDR	2,56%	1,85%	(58,1)	(103.014)	103,3	0,6	
VRE	4,70%	3,66%	(85,1)	(297.552)	50,9	1,7	
MSN	10,77%	9,25%	(124,3)	(111.081)	90,5	1,4	
VIC	13,38%	11,55%	(149,7)	(230.663)	109,8	1,4	
VHM	12,27%	10,02%	(184,1)	(308.375)	166,8	1,1	

Nguồn: VNDIRECT Research, Bloomberg

MVIS Vietnam Index (V.N.M ETF): SAB và THD có thể bị loại trừ trong kỳ đánh giá này

Rõ chỉ số MVIS mới (được V.N.M ETF mô phỏng) sẽ công bố vào ngày 08/09/2022 và có hiệu lực vào ngày 19/09/2022.

Dựa trên dữ liệu tính đến ngày 25/08/2022, chúng tôi ước tính rằng SAB và THD sẽ bị loại khỏi V.N.M ETF trong đợt xem xét định kỳ này vì không đáp ứng các yêu cầu thanh khoản của chỉ số.

Chúng tôi kỳ vọng tỷ trọng quốc gia của Việt Nam ở mức 82% của chỉ số với tổng số cổ phiếu của Việt Nam là 41.

Chúng tôi ước tính trong đợt xem xét định kỳ này V.N.M ETF sẽ mua khoảng 4,0 triệu/0,9 triệu cổ phiếu SHB/KDH, tương đương 63 tỷ đồng/33 tỷ đồng trong kỳ đánh giá này và bán ra khoảng 0,9 triệu/0,2 triệu cổ phiếu THD/SAB, tương đương 49 tỷ đồng/39 tỷ đồng.

Hình 5: Danh mục ETF V.N.M mới dựa trên ước tính của chúng tôi (dữ liệu tại 25/08/2022)

Cổ phiếu	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	Giá trị mua/bán ròng (tỷ đồng)	Khối lượng mua/bán ròng	Thanh khoản bình quân phiên (tỷ đồng)	Số ngày giao dịch ước tính	Chú thích
SHB	0,97%	2,69%	63,2	4.038.339	148,3	0,43	
KDH	0,45%	1,35%	33,1	876.821	32,2	1,03	
DIG	1,05%	1,76%	26,1	659.091	357,5	0,07	
HSG	0,79%	1,26%	17,3	810.304	174,7	0,10	
SSI	2,30%	2,66%	13,2	522.772	443,4	0,03	
VCB	3,41%	3,69%	10,3	125.610	75,5	0,14	
VND	1,82%	2,10%	10,3	455.752	409,0	0,03	
VCI	0,97%	1,25%	10,3	269.281	191,8	0,05	
ITA	0,41%	0,68%	9,9	1.253.165	74,7	0,13	
VRE	2,39%	2,65%	9,6	335.664	50,9	0,19	
PDR	1,34%	1,60%	9,6	170.213	103,3	0,09	
GEX	1,22%	1,48%	9,6	375.734	215,1	0,04	
POW	0,58%	0,81%	8,5	604.982	217,5	0,04	
TCH	0,47%	0,66%	7,0	578.512	49,9	0,14	
VJC	3,23%	3,38%	5,5	44.534	78,0	0,07	
SHS	0,83%	0,98%	5,5	390.071	168,2	0,03	
DPM	0,70%	0,85%	5,5	115.063	197,0	0,03	
APH	0,20%	0,35%	5,5	405.904	36,7	0,15	
DGC	2,21%	2,33%	4,4	46.365	246,6	0,02	
DXG	1,25%	1,35%	3,7	130.511	220,8	0,02	
PVS	0,57%	0,65%	2,9	103.943	261,8	0,01	
SBT	0,49%	0,57%	2,9	161.560	37,4	0,08	
HNG	0,44%	0,51%	2,6	361.111	58,9	0,04	
PVD	0,51%	0,53%	0,7	32.864	151,3	0,00	
VIX	0,55%	0,54%	(0,4)	(26.756)	91,6	0,00	
KDC	0,77%	0,75%	(0,7)	(10.448)	77,6	0,01	
VPI	0,55%	0,53%	(0,7)	(10.720)	68,6	0,01	
IDC	1,27%	1,22%	(1,8)	(26.667)	125,1	0,01	
BVH	0,48%	0,41%	(2,6)	(45.694)	72,1	0,04	
BCG	0,56%	0,45%	(4,0)	(250.000)	86,4	0,05	
HPG	6,70%	6,57%	(4,8)	(204.255)	637,1	0,01	
STB	4,25%	4,11%	(5,1)	(200.787)	338,0	0,02	
VHC	0,81%	0,67%	(5,1)	(58.153)	141,3	0,04	
VNM	5,15%	4,93%	(8,1)	(104.247)	152,8	0,05	
HDG	0,72%	0,49%	(8,5)	(153.153)	95,7	0,09	
HUT	0,86%	0,50%	(13,2)	(450.512)	111,1	0,12	
KBC	1,96%	1,58%	(14,0)	(375.839)	165,4	0,08	
VIC	6,85%	6,28%	(21,0)	(323.575)	109,8	0,19	
VHM	7,23%	6,57%	(24,3)	(407.035)	166,8	0,15	
MSN	6,24%	5,34%	(33,1)	(295.800)	90,5	0,37	
SAB	1,06%	0,00%	(39,0)	(208.556)	23,7	1,65	LOẠI
NVL	6,16%	5,02%	(41,9)	(505.428)	192,7	0,22	
THD	1,33%	0,00%	(48,9)	(865.487)	8,8	5,56	LOẠI

Nguồn: Bloomberg, VNDIRECT Research

Hình 6: Tổng điều chỉnh ETF dựa trên ước tính của chúng tôi (dữ liệu tại 25/08/2022)

	Fubon ETF		FTSE VN ETF		V.N.M ETF		Tổng thay đổi	
	Giá trị mua/bán ròng (tỷ đồng)	Khối lượng mua/bán ròng	Giá trị mua/bán ròng (tỷ đồng)	Khối lượng mua/bán ròng	Giá trị mua/bán ròng (tỷ đồng)	Khối lượng mua/bán ròng	Giá trị mua/bán ròng (tỷ đồng)	Khối lượng mua/bán ròng
SSB	811,2	25.037.553	-	-	-	-	811,2	25.037.553
SHB	448,2	28.098.519	168,5	1.076.677	63,2	4.038.339	679,9	33.213.535
STB	462,7	18.038.032	204,5	805.118	(5,1)	(200.787)	662,1	18.642.363
DGC	343,0	3.485.546	4,1	4.320	4,4	46.365	351,5	3.536.231
HPG	193,3	8.105.762	(23,7)	(100.851)	(4,8)	(204.255)	164,8	7.800.656
VJC	115,7	937.256	12,3	9.960	5,5	44.534	133,5	991.750
VND	40,0	1.743.580	43,4	192.035	10,3	455.752	93,7	2.391.367
DIG	19,9	497.308	18,0	45.455	26,1	659.091	64,0	1.201.854
KDH	25,0	653.994	-	-	33,1	876.821	58,1	1.530.815
VCB	32,0	390.499	15,5	18.902	10,3	125.610	57,8	535.011
HCM	46,3	1.634.914	-	-	-	-	46,3	1.634.914
DXG	-	-	32,7	115.344	3,7	130.511	36,4	245.855
TCH	-	-	3,3	27.273	7,0	578.512	10,3	605.785
ITA	-	-	-	-	9,9	1.253.165	9,9	1.253.165
SHS	-	-	-	-	5,5	390.071	5,5	390.071
APH	-	-	-	-	5,5	405.904	5,5	405.904
POW	(11,0)	(780.677)	6,5	46.263	8,5	604.982	4,0	(129.432)
PVS	-	-	-	-	2,9	103.943	2,9	103.943
HNG	-	-	-	-	2,6	361.111	2,6	361.111
VIX	-	-	-	-	(0,4)	(26.756)	(0,4)	(26.756)
KDC	-	-	-	-	(0,7)	(10.448)	(0,7)	(10.448)
VPI	-	-	-	-	(0,7)	(10.720)	(0,7)	(10.720)
IDC	-	-	-	-	(1,8)	(26.667)	(1,8)	(26.667)
PVD	-	-	(4,1)	(19.249)	0,7	32.864	(3,4)	13.615
BCG	-	-	-	-	(4,0)	(250.000)	(4,0)	(250.000)
VHC	-	-	-	-	(5,1)	(58.153)	(5,1)	(58.153)
BVH	(3,0)	(52.929)	-	-	(2,6)	(45.694)	(5,6)	(98.623)
KBC	(9,0)	(237.181)	14,7	39.463	(14,0)	(375.839)	(8,3)	(573.557)
HDG	-	-	-	-	(8,5)	(153.153)	(8,5)	(153.153)
HUT	-	-	-	-	(13,2)	(450.512)	(13,2)	(450.512)
GEX	(29,4)	(1.152.039)	(0,8)	(3.131)	9,6	375.734	(20,6)	(779.436)
DPM	(35,6)	(696.544)	4,1	8.577	5,5	115.063	(26,0)	(572.904)
SBT	(28,9)	(1.560.115)	(9,0)	(50.139)	2,9	161.560	(35,0)	(1.448.694)
THD	-	-	-	-	(48,9)	(865.487)	(48,9)	(865.487)
HSG	(103,7)	(4.733.400)	31,1	145.667	17,3	810.304	(55,3)	(3.777.429)
VCG	(42,1)	(1.858.927)	(18,0)	(79.470)	-	-	(60,1)	(1.938.397)
VCI	(58,5)	(1.522.718)	(21,3)	(55.686)	10,3	269.281	(69,5)	(1.309.123)
SAB	(62,6)	(334.012)	-	-	(38,6)	(206.417)	(101,2)	(540.429)
NVL	(125,8)	(1.504.920)	54,8	66.104	(41,9)	(505.428)	(112,9)	(1.944.244)
PLX	(96,1)	(2.188.600)	(52,4)	(119.635)	-	-	(148,5)	(2.308.235)
SSI	(163,3)	(6.402.277)	(20,5)	(81.188)	13,2	522.772	(170,6)	(5.960.693)
VHM	(30,1)	(492.800)	(146,4)	(245.226)	(24,3)	(407.035)	(200,8)	(1.145.061)
PDR	(146,5)	(2.584.289)	(72,8)	(129.078)	9,6	170.213	(209,7)	(2.543.154)
VNM	(213,9)	(2.745.980)	8,2	10.553	(8,1)	(104.247)	(213,8)	(2.839.674)
HDB	(246,9)	(9.336.400)	-	-	-	-	(246,9)	(9.336.400)
VGC	(264,5)	(3.844.453)	-	-	-	-	(264,5)	(3.844.453)
VRE	(262,3)	(8.983.754)	(56,4)	(197.203)	9,6	335.664	(309,1)	(8.845.293)
VIC	(300,7)	(4.563.316)	(110,4)	(170.108)	(21,0)	(323.575)	(432,1)	(5.056.999)
MSN	(369,3)	(3.273.901)	(85,9)	(76.765)	(33,1)	(295.800)	(488,3)	(3.646.466)

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, Bloomberg

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ CỦA VNDIRECT

Khuyến nghị cổ phiếu

KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -10% đến 15%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -10%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Khuyến nghị ngành

TÍCH CỰC	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị tích cực, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG TÍNH	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị trung bình, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TIÊU CỰC	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị tiêu cực, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

Trần Khánh Hiền - Giám đốc Phân tích

Email: hien.trankhanh@vndirect.com.vn

Trần Thị Thu Thảo – Chuyên viên phân tích

Email: thao.tranthu2@vndirect.com.vn

Vũ Mạnh Hùng – Chuyên viên phân tích

Email: hung.vumanh3@vndirect.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền – Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội

Điện thoại: +84 2439724568

Email: research@vndirect.com.vn

Website: <https://vndirect.com.vn>